

Số: 4316 /SNNMT-TTBVTV

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 4 năm 2026

V/v rà soát, đề xuất vùng chuyên canh tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực trồng trọt

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường, Đặc khu Phú Quý.

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Căn cứ Chương trình hành động số 4484/CTr-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Thực hiện Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 08/01/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trong thời gian qua, việc hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả bước đầu; đồng thời, một số xã, phường đã xây dựng Kế hoạch phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của địa phương.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế như: (i) Quy mô sản xuất còn phân tán, manh mún; tỷ lệ xen canh cao, chưa hình thành rõ vùng sản xuất hàng hóa tập trung. (ii) Liên kết sản xuất - tiêu thụ đã hình thành nhưng quy mô còn nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi giá trị khép kín. (iii) Ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao còn hạn chế, chủ yếu ở quy mô mô hình, chưa được nhân rộng. (iv) Hạ tầng phục vụ sản xuất (điện, đường, thủy lợi, sơ chế, bảo quản, chế biến...) chưa đáp ứng yêu cầu phát triển vùng sản xuất chuyên canh tập trung quy mô lớn.

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án phát triển các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sinh thái trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời tích hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2050, trong đó định hướng phát triển các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, Đặc khu Phú Quý phối hợp triển khai thực hiện các nội dung sau:

### 1. Rà soát, đánh giá hiện trạng

- Rà soát toàn bộ các vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn (*vùng chuyên canh tập trung, vùng có tiềm năng ứng dụng công nghệ cao*).

- Đánh giá cụ thể các nội dung: Quy mô diện tích, đối tượng sản xuất chủ lực; mức độ tập trung và hiện trạng xen canh; tình hình áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao; hiện trạng hạ tầng phục vụ sản xuất; việc tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất – tiêu thụ; hiệu quả kinh tế và những khó khăn, tồn tại.

### 2. Đề xuất đầu tư nâng cấp các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện có

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 16 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh cấp quyết định công nhận (*phụ lục kèm theo*); đề nghị các địa phương có vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chủ động sử dụng ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác tiếp tục đầu tư nâng cấp các tiêu chí của vùng và hỗ trợ người dân đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tổ chức sản xuất.

- Đối với nội dung, hạng mục cần hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, đề nghị địa phương xây dựng đề xuất cụ thể để tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh.

### 3. Đề xuất hình thành vùng mới

Căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất các vùng sản xuất chuyên canh tập trung và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có tiềm năng phát triển. Nội dung đề xuất bao gồm: vị trí, quy mô diện tích, đối tượng sản xuất; hiện trạng đất đai, hạ tầng; mức độ đáp ứng tiêu chí theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg; định hướng phát triển (*chuyên canh, công nghệ cao, hữu cơ, kinh tế tuần hoàn...*); nhu cầu đầu tư, hỗ trợ; hiệu quả dự kiến.

*Lưu ý: Việc đề xuất và định hướng phát triển các vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh cần căn cứ vào khả năng đáp ứng các tiêu chí pháp lý hiện hành, cụ thể:*

- Đối với các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNƯDCNC): Chỉ thực hiện đề xuất đối với các vùng **đã đảm bảo hoặc có khả năng** đáp ứng các tiêu chí theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg.

- Đối với các vùng chưa đủ điều kiện công nhận NNƯDCNC: Thực hiện rà soát và định hướng phát triển thành vùng sản xuất tập trung gắn với việc cấp Mã số vùng trồng theo quy định tại khoản 1, Điều 3<sup>1</sup> và khoản 1, Điều 6<sup>2</sup>, Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

---

<sup>1</sup> 1. Vùng trồng là nơi sản xuất một loại cây trồng theo cùng một quy trình sản xuất, bảo đảm đồng nhất về điều kiện tự nhiên.

<sup>2</sup> 1. Diện tích tối thiểu của một vùng trồng là 10 hecta (ha) đối với cây trồng lâu năm. Đối với cây hằng năm, diện tích phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Trường hợp có yêu cầu khác về diện tích hoặc kỹ thuật của nước nhập khẩu thì áp dụng theo yêu cầu đó.

#### 4. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị UBND các xã, phường, Đặc khu Phú Quý nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách, nguồn lực hỗ trợ để phát triển vùng sản xuất chuyên canh tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa phương (*trong đó cụ thể nội dung đề xuất, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, nguồn lực, ...*).

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường, Đặc khu Phú Quý quan tâm triển khai thực hiện và gửi báo cáo đề xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*thông qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*) **trước ngày 15/05/2026** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

(*Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần trao đổi, hỗ trợ đề nghị các địa phương liên hệ đồng chí Hoàng Ngọc Duyên, số điện thoại 090.555.0324*)

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường, Đặc khu Phú Quý quan tâm phối hợp, triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, TTBVTV<sub>(PH)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Đình Cường**

**Phụ lục**  
**CÁC VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**  
*(Kèm theo Công văn số /SNNMT-TTBVT ngày /4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

| TT         | Tên vùng                                                      | Địa phương trước sáp nhập                                       | Địa phương sau sáp nhập                 | Quy mô vùng (ha) | Ghi chú               |
|------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Vùng rau</b>                                               |                                                                 |                                         | <b>287</b>       |                       |
| 1          | Vùng sản xuất rau ứng dụng NN CNC xã Lạc Xuân, Đơn Dương      | Xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng                     | Xã D’Ran, tỉnh Lâm Đồng                 | 167              | Đã công nhận năm 2020 |
| 2          | Vùng sản xuất rau ứng dụng NN CNC xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương | Xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng                      | Xã Ka Đô, tỉnh Lâm Đồng                 | 120              | Đã công nhận năm 2020 |
| <b>II</b>  | <b>Vùng hoa</b>                                               |                                                                 |                                         | <b>388.2</b>     |                       |
| 3          | Vùng sản xuất hoa ứng dụng CNC phường 5, Đà Lạt               | Làng hoa Vạn Thành, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng   | Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng   | 158              | Đã công nhận năm 2017 |
| 4          | Vùng sản xuất hoa ứng dụng CNC phường 12, Đà Lạt              | Làng hoa Thái Phiên, phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | 150              | Đã công nhận năm 2018 |
| <b>III</b> | <b>Vùng hồ tiêu</b>                                           |                                                                 |                                         | <b>1,549.40</b>  |                       |
| 5          | Vùng sản xuất Hồ tiêu UDNCNC Thuận Hạnh                       | Xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông                    | Xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng            | 1,133            | Đã công nhận năm 2021 |
| 6          | Vùng sản xuất Hồ tiêu UDNCNC Thuận Hà                         | Xã Thuận Hà, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông                      | Xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng            | 416.4            | Đã công nhận năm 2021 |
| <b>IV</b>  | <b>Vùng cà phê</b>                                            |                                                                 |                                         | <b>2,268.50</b>  |                       |
| 7          | Vùng sản xuất cà phê ứng dụng NN CNC xã Hòa Bắc huyện Di Linh | Xã Hòa Bắc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng                        | Xã Hòa Bắc, tỉnh Lâm Đồng               | 471.9            | Đã công nhận năm 2023 |
| 8          | Vùng sản xuất cà phê ứng dụng NN CNC xã Đinh Lạc, Di Linh     | Xã Đinh Lạc, Huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng                       | Xã Bảo Thuận, tỉnh Lâm Đồng             | 371.6            | Đã công nhận năm 2021 |

| TT         | Tên vùng                                                 | Địa phương trước sáp nhập                    | Địa phương sau sáp nhập                  | Quy mô vùng (ha) | Ghi chú               |
|------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|-----------------------|
| 9          | Vùng sản xuất cà phê ứng dụng Nông nghiệp CNC            | Xã Lộc Đức, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng     | xã Bảo Lâm 2, tỉnh Lâm Đồng              | 300              | Đã công nhận năm 2023 |
| 10         | Vùng sản xuất cà phê Nam Bình                            | xã Nam Bình, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông   | Toàn bộ thôn 9, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng | 450              | Đã công nhận năm 2024 |
| 11         | Vùng sản xuất cà phê Nam Nung                            | xã Nam Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông   | xã Nam Nung, tỉnh Lâm Đồng               | 340              | Đã công nhận năm 2024 |
| 12         | Vùng sản xuất Cà phê Thuận An                            | xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông    | xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng               | 335              | Đã công nhận năm 2021 |
| <b>V</b>   | <b>Vùng chè</b>                                          |                                              |                                          | <b>900</b>       |                       |
| 13         | Vùng sản xuất chè ứng dụng Nông nghiệp CNC               | Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng     | Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng          | 300              | Đã công nhận năm 2021 |
| <b>VI</b>  | <b>Vùng cây ăn quả</b>                                   |                                              |                                          | <b>167</b>       |                       |
| 14         | Vùng sản xuất sầu riêng ứng dụng CNC xã Hà Lâm, Đạ Huoai | Xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng     | xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng             | 300              | Đã công nhận năm 2021 |
| 15         | Vùng xoài Đăk Gắn                                        | xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông     | xã Đăk Mil, tỉnh Lâm Đồng                | 343              | Đã công nhận năm 2021 |
| <b>VII</b> | <b>Vùng lúa</b>                                          |                                              |                                          | <b>538.77</b>    |                       |
| 16         | Vùng sản xuất Lúa UĐCNC Buôn Choah                       | xã Buôn Choah, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông | xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng                 | 538.77           | Đã công nhận năm 2021 |